

LINUX FOR NEWBIE

PART 2 (Sử dụng căn bản)

Author: Nhã Pham (zazxxxlh)

Tổng quan.

Khái niệm cần biết.

Sử dụng cơ bản.

- Lần đầu đăng nhập.

- Màn hình chính.

- Kết nối mạng.

- Activities.

- Thực thi ứng dụng.

- Quản lý tập tin.

- Quản lý ứng dụng.

- Quản lý cập nhật.

Tổng kết.

Tổng quan.

Ở phần 1, chúng ta đã làm quen với cài đặt Ubuntu trên máy tính, ở phần 2 này, chúng ta sẽ bắt đầu làm quen với giao diện của Ubuntu.

Bài viết này chỉ cung cấp những điều cơ bản nhất khi dùng Ubuntu Linux ở giao diện người dùng.

Khái niệm cần biết.

Trước khi bước vào sử dụng Ubuntu, có những khái niệm sau cần chú ý.

Desktop Environment (DE) là một tập hợp các thành phần giao diện người dùng bao gồm các ứng dụng, thanh công cụ, trình quản lý cửa sổ và các thành phần khác nhau nhằm cung cấp một giao diện đồ họa để tương tác với hệ điều hành Linux. DE cung cấp môi trường trực quan để người dùng có thể sử dụng máy tính và thực hiện các tác vụ hàng ngày một cách dễ dàng và thuận tiện.

Một số DE phổ biến trên Linux bao gồm:

- GNOME: đây là môi trường desktop phổ biến, đơn giản và hiện đại. Nó được thiết kế để đáp ứng tiêu chuẩn của người dùng và tập trung vào sự trải nghiệm thân thiện với người dùng.
- KDE Plasma, cung cấp một giao diện môi trường desktop hoàn chỉnh và linh hoạt, với nhiều tính năng tùy chỉnh và sự đa dạng trong việc cấu hình.
- Xfce: đây là môi trường desktop nhẹ, tiết kiệm tài nguyên hệ thống và được ưa chuộng đối với các máy tính có cấu hình yếu hoặc máy tính xách tay.
- LXDE và LXQt: Cả hai đều là các môi trường desktop nhẹ và tiết kiệm tài nguyên, được sử dụng phổ biến trên các hệ thống có cấu hình thấp.
- Cinnamon: Cinnamon là môi trường desktop được phát triển bởi Linux Mint và nổi tiếng với giao diện truyền thống, tương tự như Windows.
- MATE: MATE là một bản fork của GNOME 2, mang đến trải nghiệm giao diện người dùng truyền thống và dễ sử dụng.

Trong bài viết này Ubuntu đang sử dụng GNOME làm môi trường chính cho việc giao tiếp.

Virtual desktop hoặc Workspace là một tính năng của giao diện môi trường máy tính cho phép người dùng tổ chức và quản lý các ứng dụng và cửa sổ đang mở trên nhiều màn hình máy tính ảo, ngay cả khi họ chỉ có một màn hình vật lý. Với tính năng này, người dùng có thể tạo và chuyển đổi giữa nhiều máy tính ảo độc lập, mỗi cái có bộ cửa sổ và ứng dụng đang mở riêng biệt. Tính năng này đặc biệt hữu ích cho việc đa nhiệm và tổ chức công việc một cách hiệu quả.

Application groups, đây là tính năng cho phép bạn tổ chức các ứng dụng vào các nhóm riêng biệt để dễ dàng quản lý. Nó giúp bạn tạo nhóm ứng dụng có liên quan với nhau và truy cập chúng nhanh chóng. Để sử dụng tính năng này bằng cách nhấp chuột phải vào biểu tượng của ứng dụng trong GNOME, sau đó chọn tùy chọn "Add to Application Group". GNOME sẽ hiển thị danh sách các nhóm ứng dụng hiện có hoặc cho phép bạn tạo một nhóm mới và thêm ứng dụng vào đó.

Trong bài viết này sẽ có đề cập tới việc cài đặt và cập nhật ứng dụng trên Ubuntu, cho nên dưới đây là hai thứ cần nắm trước khi sử dụng.

- Ubuntu Snap (hoặc đơn giản là Snap) là một hình thức đóng gói ứng dụng và phân phối phần mềm trên hệ điều hành Ubuntu và một số distro dựa trên Ubuntu khác. Snap là một công nghệ đóng gói ứng dụng độc lập với các phụ thuộc của chúng, có nghĩa là ứng dụng được đóng gói cùng với tất cả các thư viện và phụ thuộc cần thiết để chạy mà không cần phải dựa vào các thư viện hệ thống đã cài đặt sẵn. Điều này giúp ngăn chặn các vấn đề liên quan đến xung đột phụ thuộc và tăng tính di động của các ứng dụng.
- Debian Package (DEB) là một định dạng đóng gói phần mềm được sử dụng trong hệ điều hành Debian và các bản phân phối dựa trên Debian như Ubuntu, Linux Mint v.v... Các gói cài đặt chứa thông tin và các tập tin liên quan

đến việc cài đặt và quản lý một ứng dụng hoặc một phần mềm. Các gói này có phần mở rộng ".deb" và có thể chứa các tập tin thực thi, thư viện, tài liệu, mã nguồn và các tập tin cấu hình liên quan đến ứng dụng.

Sử dụng cơ bản.

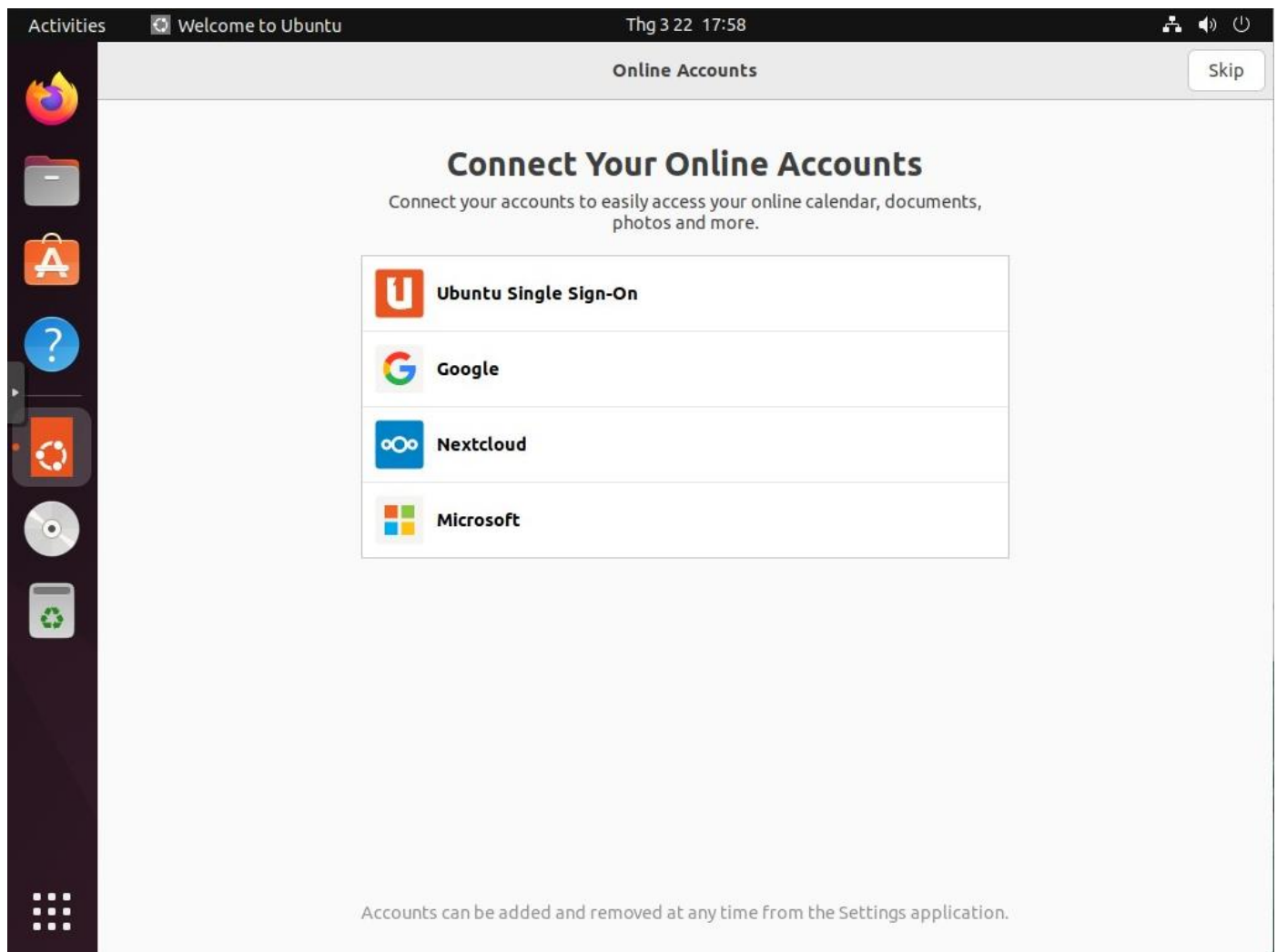
Tại đây, chúng ta sẽ trải nghiệm cách sử dụng Ubuntu qua các mục như sau.

- Lần đầu đăng nhập.
- Màn hình chính
- Kết nối mạng.
- Khóa, Khởi động và Tắt Ubuntu
- Activities.
- Thực thi ứng dụng.
- Quản lý tập tin.
- Quản lý ứng dụng.
- Quản lý cập nhật.

Sau đây chúng ta tới phần đầu tiên.

Lần đầu đăng nhập.

Đối với lần đăng nhập đầu tiên, chúng ta sẽ được hệ thống yêu cầu một số câu hỏi liên quan tới cách sử dụng. Cửa sổ có tên là "Welcome to Ubuntu" sẽ xuất hiện như thế này.



Dưới đây sẽ là một số câu hỏi.

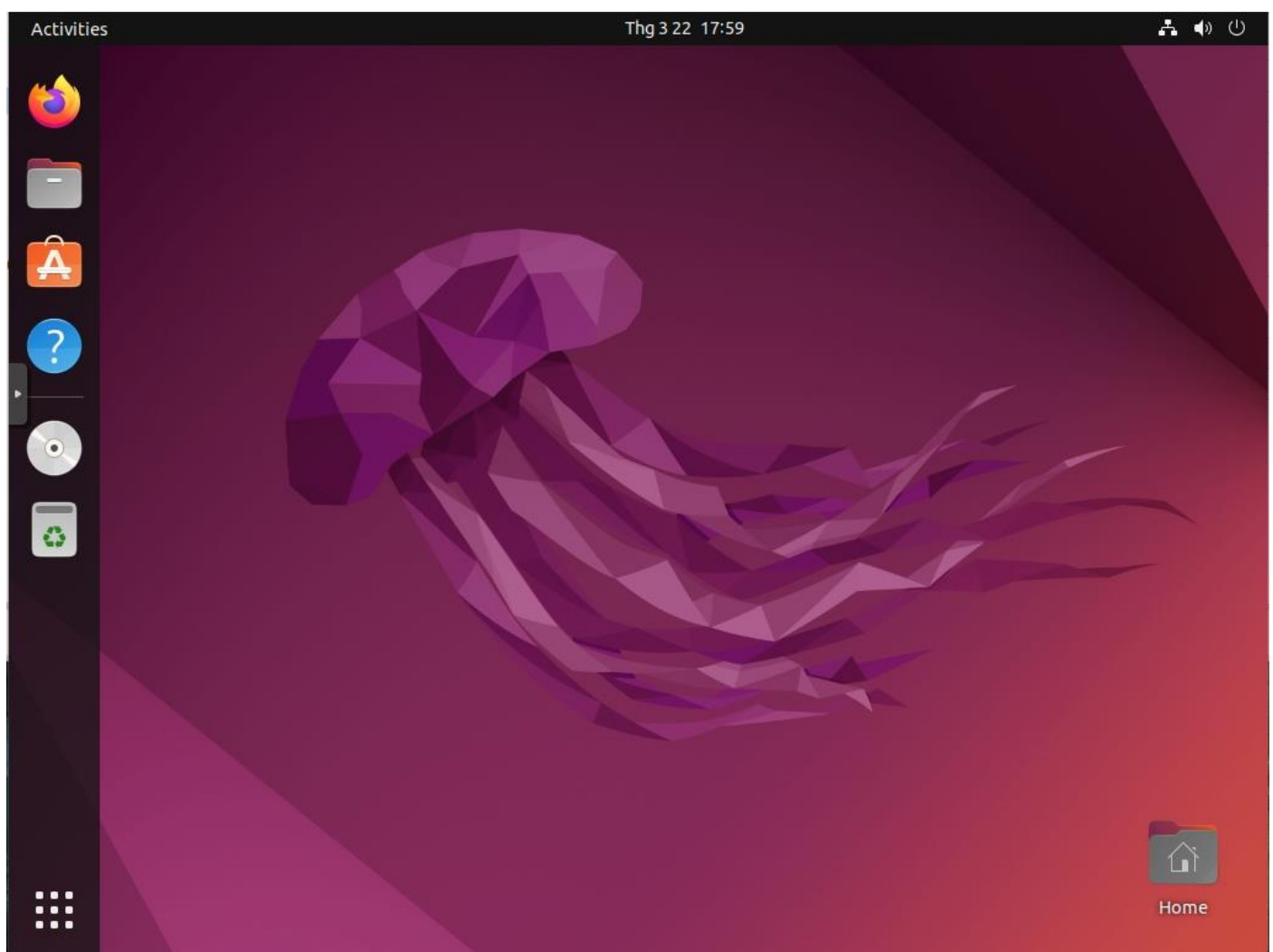
- Liên kết với tài khoản online nào đó, có thể là Exchange, Google, Nextcloud v.v....
- Bạn có muốn bật chế độ privacy hay không
- Bạn có muốn chia sẻ thông tin máy tính hiện tại cho cty ...
- Hoặc bạn có muốn bật tính năng định vị hay không.

Bạn có thể lựa chọn những tùy chọn mà bạn muốn, trong phạm vi bài viết này chúng ta không quan tâm tới các lựa chọn đó nên chỉ cần đơn giản là tắt hết và nhấn “Next” hoặc “Skip”. Sau khi hiểu Ubuntu, chúng ta có thể xem lại các tùy chọn và sử dụng chúng sau này.

Sau khi hoàn thành các lựa chọn, đóng cửa sổ lại và màn hình chính của Ubuntu sẽ xuất hiện.

Màn hình chính.

Dưới đây là giao diện màn hình làm việc chính của Ubuntu.



Tại đây, chúng ta có thể chia làm 3 thành phần chủ yếu như sau.

Top menu bar: Đây là thanh menu ở phía trên màn hình, bình thường nơi đây sẽ chứa các thông tin về calendar, notification và đường dẫn tới mục quản lý hệ thống, chúng ta có thể chia làm 3 phần như sau:

- Bên trái của menu sẽ là shortcut có tên “Activities”, giống như nút “Start” của Windows, khi nhấn và nút này, chúng ta sẽ được chuyển tới trang có chứa các ứng dụng đã được cài đặt, thanh tìm kiếm.
- Ở giữa thanh menu là vị trí hiện ngày tháng, đây cũng là nơi sẽ hiện calendar, lịch hẹn, meeting, thông báo của người dùng và hệ thống.

- Bên phải cũng của thanh menu, đây chính là nơi để shortcut để vào mục quản lý hệ thống, hơn nữa nó cũng chứa các shortcut của các ứng dụng chạy nền như VPN, teamviewer v.v... Nơi đây cũng thể hiện tình trạng của network (ethernet, wifi v.v...).

Taskbar: Cũng tương tự như Windows, thanh taskbar này là nơi chứa các shortcut của các ứng dụng yêu thích, ứng dụng đang chạy và shortcut để vào “Activities”. Chúng ta có thể chia làm 3 phần như sau:

- Khu vực ứng dụng yêu thích, khu vực này nằm ở phía trên của taskbar, chứa shortcut của các ứng dụng yêu thích, hay sử dụng.
- Khu vực ứng dụng đang sử dụng, khi kích hoạt ứng dụng nào đó thì biểu tượng của ứng dụng đó sẽ được để vào đây, mục đích là cho người dùng biết rằng đang có ứng dụng đang chạy trên màn hình chính. Khu vực này nằm phía dưới “Khu vực ứng dụng yêu thích” và được tách biệt bằng dòng kẻ màu trắng mờ.
- Cuối cùng là shortcut để vào “Activities”, biểu tượng này có thiết kế với 9 chấm và được sắp xếp thành hình vuông, biểu tượng này sẽ nằm ở cuối cùng của thanh taskbar.

PS: Tùy Distro mà thanh taskbar sẽ nằm ở bên trái, phía dưới hoặc bên phải.

Desktop: Đây là khu vực làm việc chính của Ubuntu, mọi ứng dụng khi được kích hoạt sẽ hiện cửa sổ làm việc trên đây chỉ trừ các ứng dụng chạy nền. Cũng tương tự như Windows, trên đây cũng có thể đặt các biểu tượng shortcut của ứng dụng.

Trên là những điều cần biết khi ở màn hình làm việc chính của Ubuntu, kế tiếp là chúng ta cần chắc chắn Ubuntu đã được kết nối mạng.

Kết nối mạng.

Tại màn hình chính, hãy chú ý tới biểu tượng mạng ở góc phải trên, hãy chắc chắn là biểu tượng mạng có dây hoặc mạng không dây được kích hoạt như hình.



Trường hợp mà cả hai biểu tượng trên đều không có màu trắng thì hãy đảm bảo là IP đang được cấp bởi router hoặc máy chủ.

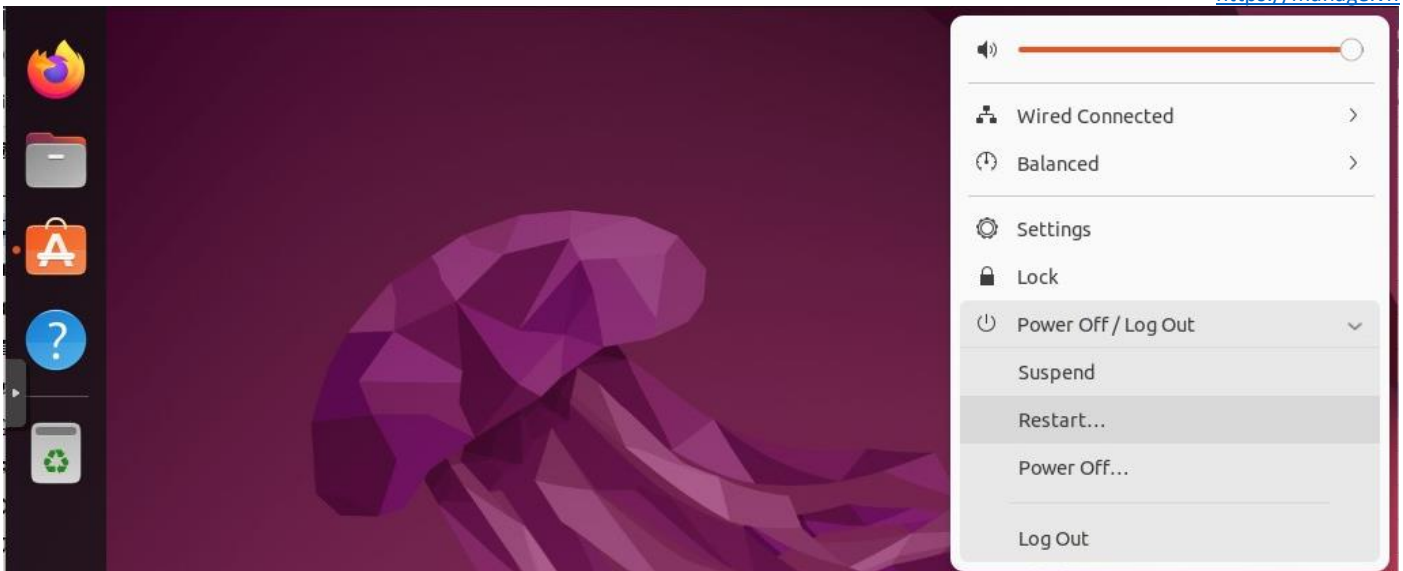
Bởi vì chúng ta đang trải nghiệm Ubuntu ở lần đầu nên chỉ cần tập trung vào việc là Ubuntu đang được kết nối mạng, những phần khác sẽ được đề cập ở phần sau.

Sau khi chắc chắn rằng Ubuntu đã có thể kết nối mạng bình thường, chúng ta sẽ tìm hiểu cách để yêu cầu hệ thống khóa, khởi động lại hoặc tắt đi.

Khóa, Khởi động và Tắt Ubuntu.

Đây là những bước cơ bản khi trải nghiệm Ubuntu, nơi mà chúng ta biết sau khi sử dụng xong máy tính thì cần phải tắt hay khóa máy tính lại, hoặc phải khởi động lại sau khi cập nhật.

Để thực hiện những việc này, hãy nhấn vào biểu nhóm biểu tượng mạng, âm thanh ở góc phải trên của màn hình, thanh thông tin sẽ được hiện ra như sau.



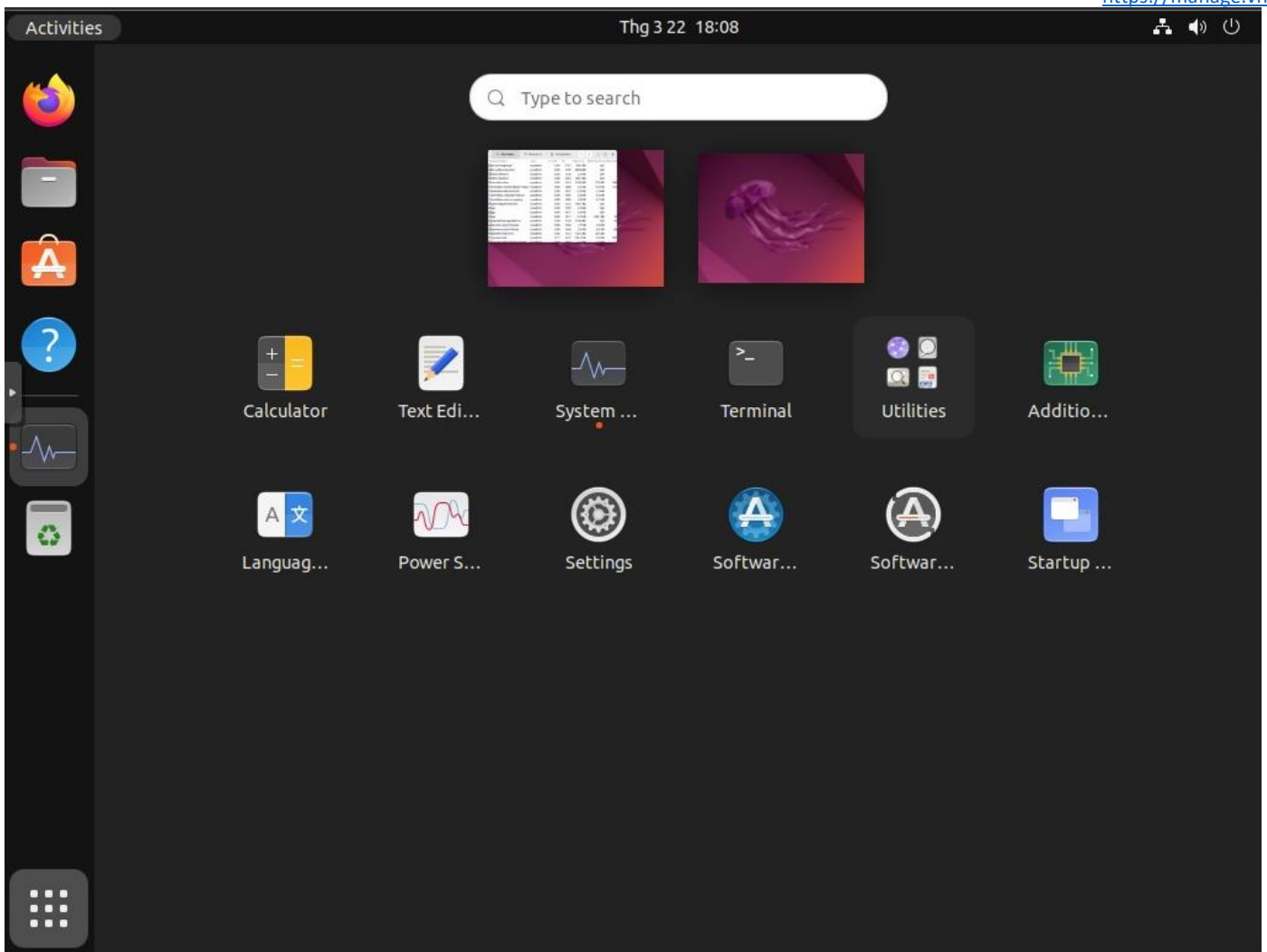
Tại đây, chúng ta có thể chọn:

- **Lock**, để khóa máy lại, tránh ko cho người khác xem những gì đang hiện trên màn hình.
- **Suspend**, yêu cầu hệ thống chuyển sang chế độ ngủ, trường hợp chuyển từ trạng thái ngủ sang bình thường thì theo mặc định là hệ thống sẽ yêu cầu đăng nhập trở lại.
- **Restart**, yêu cầu hệ thống khởi động lại, có thể thực hiện việc này nếu như trước đó đã có thực thi việc cập nhật hệ thống.
- **Power Off**, yêu cầu hệ thống dừng mọi hoạt động và tắt máy tính.
- **Log Out**, thoát khỏi môi trường người dùng hiện tại và đăng nhập lại bằng tài khoản mới.

Trên là những bước cơ bản để yêu cầu hệ thống khởi động lại hoặc tắt đi, phần kế tiếp sẽ là “Activities”.

Activities.

Về cơ bản, đây chính là nút “Start” trên linux, khi nhấn vào chữ “Activities” ở góc trên trái màn hình (hoặc biểu tượng có 9 nút ở góc trái dưới của màn hình) thì màn hình này sẽ xuất hiện.



Ở màn hình này chúng ta có thể chia nó làm 3 phần:

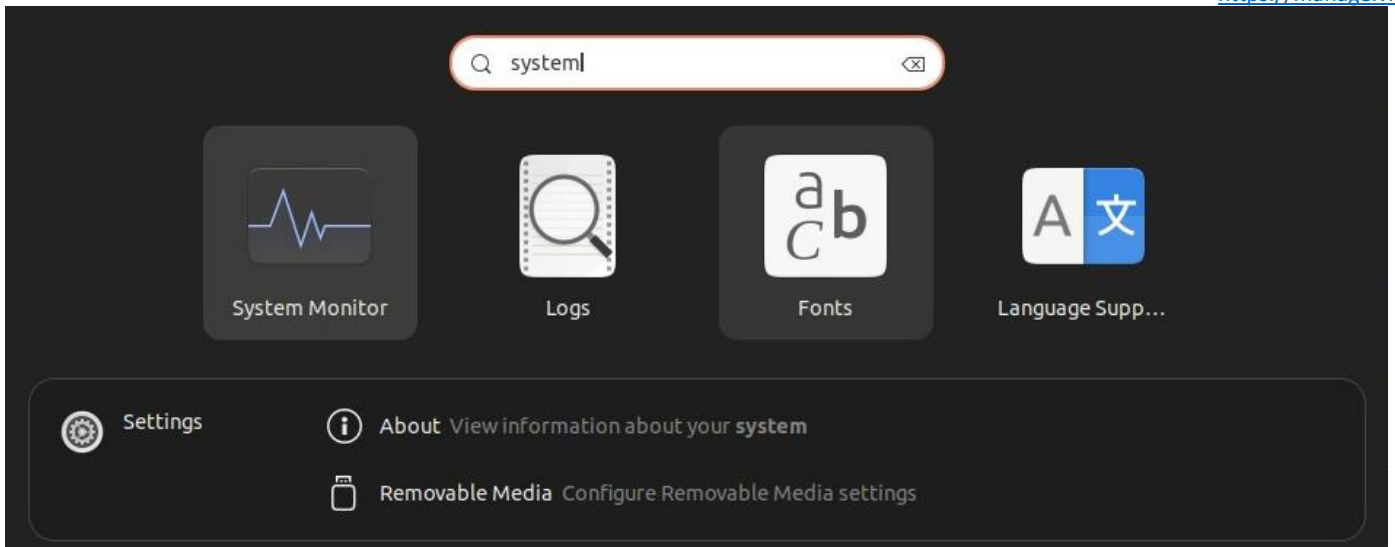
- **Thanh tìm kiếm:** Tính năng này cho phép hệ thống lọc ứng dụng hoặc cài đặt (settings) dựa trên các ký tự trong ô tìm kiếm.
- **Không gian làm việc (Workspaces):** Tại đây sẽ hiện ra có bao nhiêu workspaces đang được kích hoạt, và workspace nào đang có ứng dụng chạy trên nó.
- **Ứng dụng thực thi (application):** Đây là khu vực thể hiện các ứng dụng đã được cài đặt trên Ubuntu, lúc cài đặt ứng dụng từ “Ubuntu Store” hoặc tải về internet thì biểu tượng của ứng dụng đó cũng sẽ nằm ở đây

Như vậy là chúng ta đã tìm hiểu những mục nào trên cửa sổ “Activities”, ở phần kế, chúng ta sẽ tìm hiểu cách để thực thi một ứng dụng trên “Activities”.

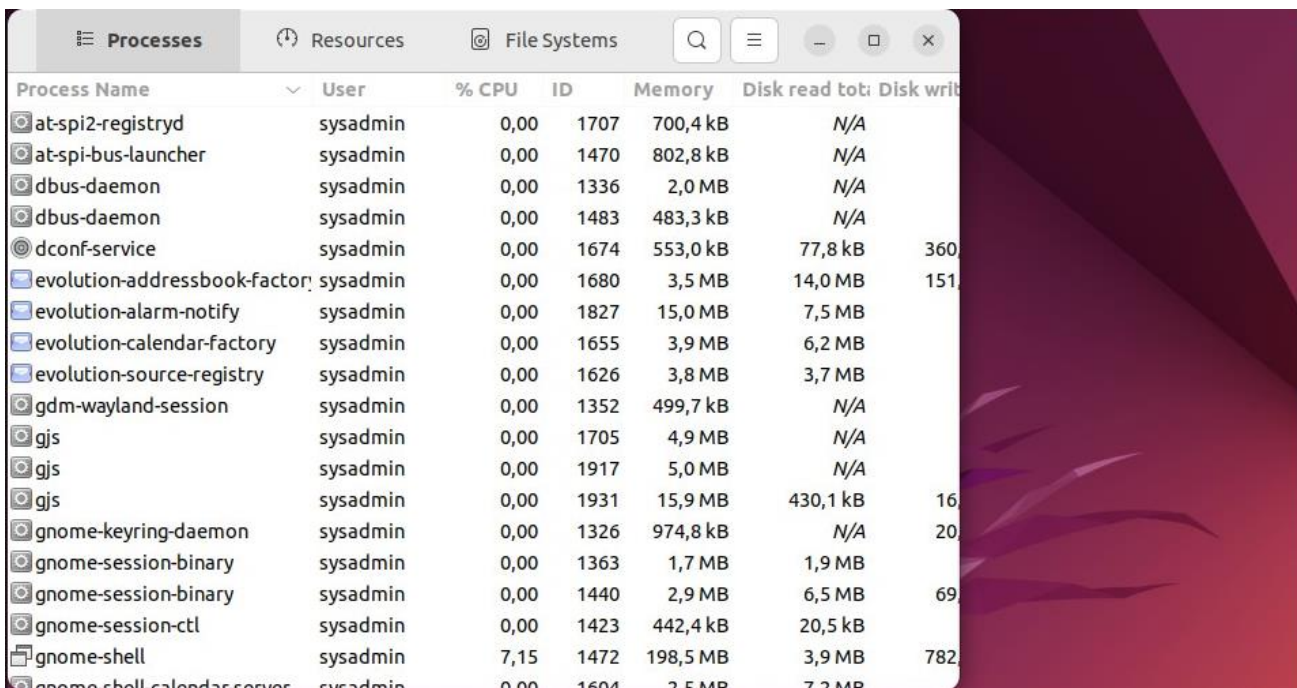
Thực thi ứng dụng.

Trong “Activities” có nhiều ứng dụng được cài mặc định sau khi cài đặt cả bộ OS vào máy, ở đây chúng ta quan tâm cách gọi một ứng dụng nào đó, trông như thế nào, vì vậy ở bài viết này hãy thử chạy ứng dụng có tên là “System Monitor”, đây là ứng dụng để quản lý process (tiến trình), resource (tài nguyên) và file system (hệ thống tập tin).

Để thực thi ứng dụng trên, chúng ta nhấn vào “Activities”, sau đó điền “system” vào thanh tìm kiếm, ứng dụng sẽ được lọc ra như sau.



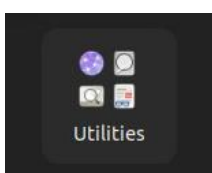
Tới đây, chúng ta nhấn vào biểu tượng có tên “System Monitor” nằm dưới, cửa sổ của ứng dụng “System Monitor” sẽ trông như thế này.



Nếu thấy quen thuộc thì đừng ngạc nhiên, vì hầu hết các Distribution của Linux đều sử dụng thiết kế ứng dụng của Windows làm tiêu chuẩn để thiết kế giao diện của ứng dụng trên OS của mình. Thành ra trông giao diện của “System Monitor” thì rất giống với “Task Manager” của Windows.

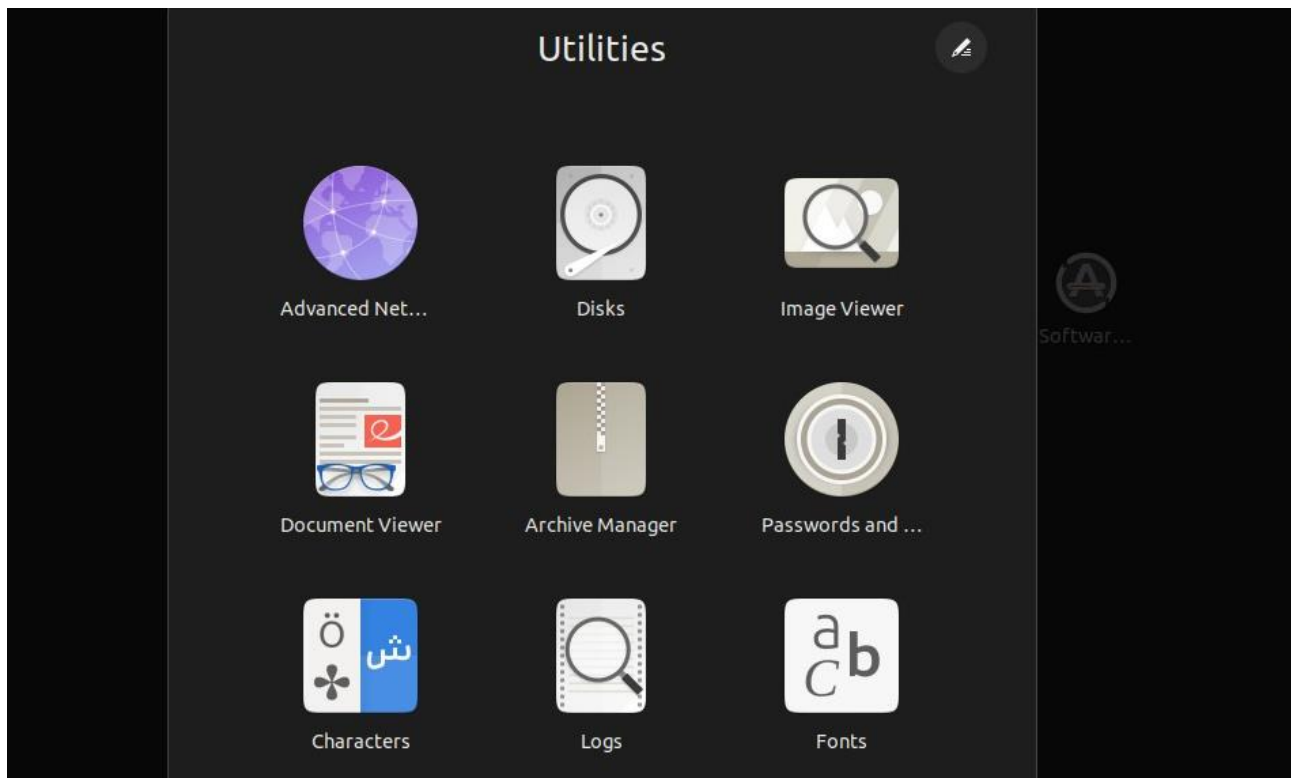
Điều này cũng dễ hiểu vì bản thân giao diện Windows và các ứng dụng chạy trên Windows đã quá quen thuộc với tất cả người dùng, nên việc thiết kế cũng không nên quá khác biệt để cho người dùng cuối dễ dàng làm quen và sử dụng.

Cũng trong “Activities”, chúng ta sẽ chú ý tới biểu tượng có tên “Utilities” như thế này.

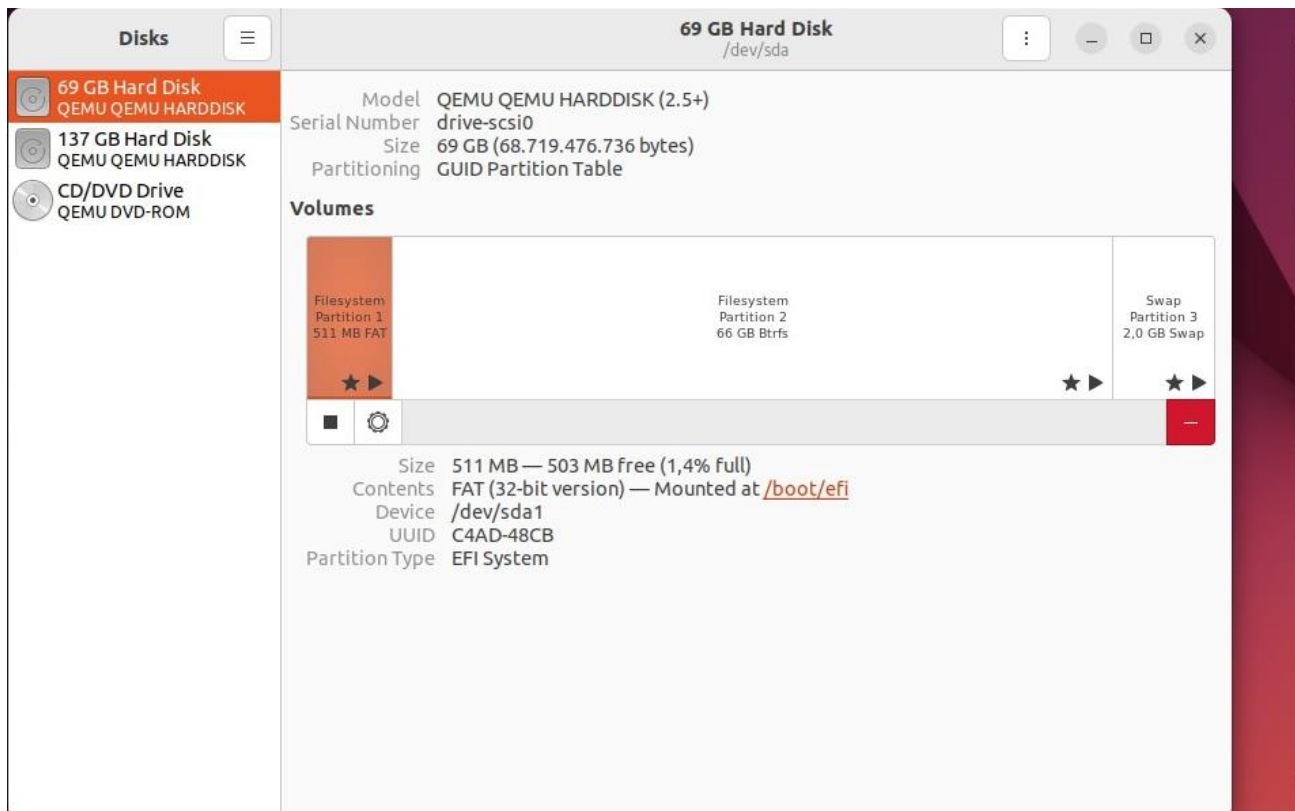


Đây là Application Group, vui lòng coi lại thông tin tại mục “Khái niệm cần biết”.

Đây là nhóm của các chương trình mà hữu dụng với người dùng, giờ chúng ta thử gọi một ứng dụng nằm trong nhóm trên, vào lại “Activities” nhấn vào biểu tượng của “Utilities” và cửa sổ sẽ xuất hiện như sau.



Tại đây, gọi ứng dụng có tên là “Disks”, ta sẽ có giao diện như sau.



Ứng dụng “Disk” được dùng để quản lý phân vùng của ổ cứng, không khuyến cáo sử dụng ứng dụng này trên thư mục chính của Linux, khi nào chúng ta có gắn thêm flashdrive hoặc ổ cứng gắn ngoài thì hãy dùng ứng dụng này để format và phân vùng.

Thực hành tương tự đối với các ứng dụng khác, chúng ta nên dành chút thời gian để trải nghiệm từng ứng dụng. Phần kế tiếp, chúng ta sẽ làm quen với bộ ứng dụng quản lý tập tin (File Manager)

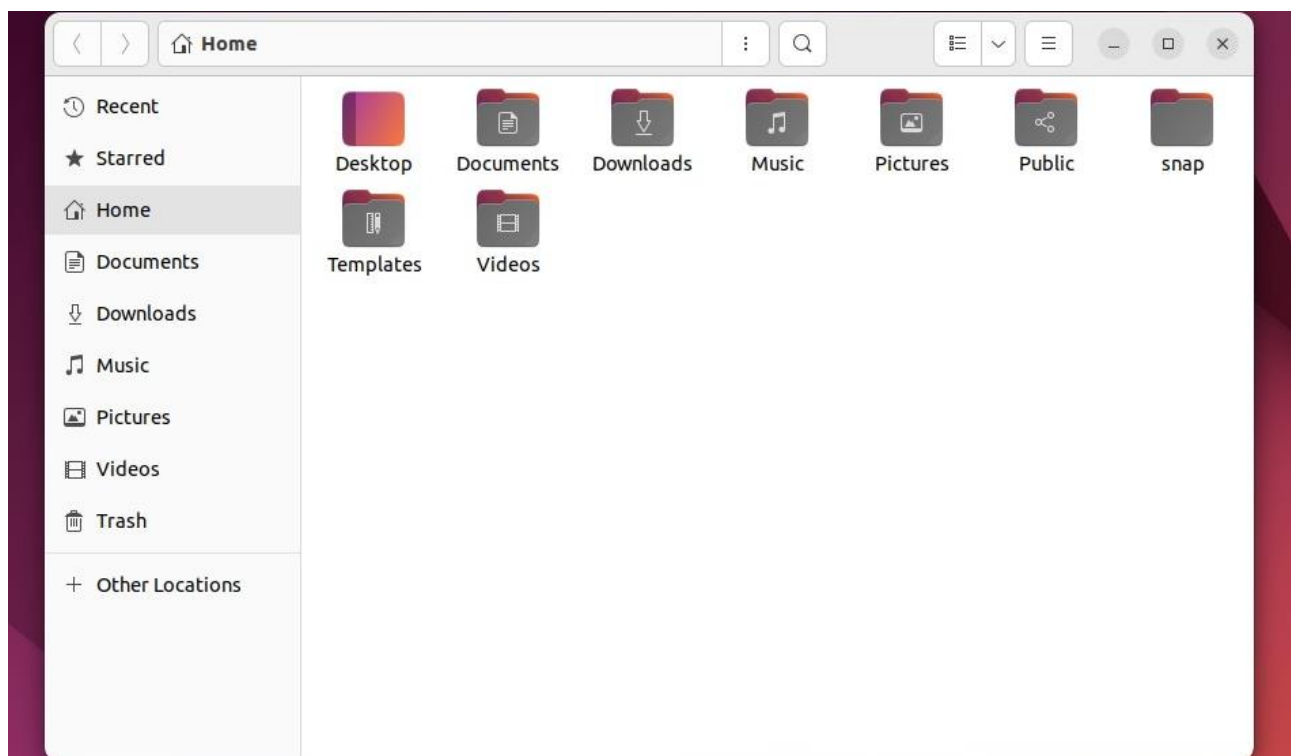
Quản lý tập tin (File manager).

Bất kỳ OS nào cũng phải có một cách nào đó để người dùng quản lý các tập tin do người dùng tạo ra, giống như Finder trên Mac, Explorer của Windows, Ubuntu cũng có ứng dụng như vậy để quản lý các tập tin.

Để chạy bộ quản lý này, chú ý trên thanh Task bar ở màn hình chính, nhấn vào biểu tượng có hình như sau.



Ứng dụng quản lý sẽ trông như thế này sau khi được kích hoạt.



Như chúng ta thấy, giao diện của bộ quản lý tập tin trông khá giống với Windows Explorer, chúng ta có thể chia làm ba phần như sau:

Toolbar:

- Đây là nơi chứa ô đường dẫn (Address bar) đây là chỗ mà bạn có thể access tới nhanh folder mà bạn đang cần.
- Nút tìm kiếm theo file, directory.
- View type, nút này cho phép thay đổi cách view của các tập tin như Thumbnail, List v.v...
- Menu button, shortcut trường hợp muốn thay đổi setting của File Manger
- Bộ nút, minimize, maximize và close, cái này thì tương tự với Windows, không cần giải thích gì thêm.

Side panel:

- Đây là nơi mà chúng ta có thể định vị tập tin đang ở đâu.
- Thể hiện thông tin của thư mục hiện tại.

- Truy cập vào ổ mạng được chia sẻ trong lớp mạng.

View panel:

- Khu vực thể hiện thông tin của tập tin và thư mục
- Xem trước dữ liệu bên trong một tập tin nào đó.

Tại đây, chúng ta nên tập làm quen bằng cách truy cập các vị trí khác nhau trên ổ cứng và ổ mạng để có thể hiểu hơn về cách thức hoạt động của bộ quản lý tập tin.

Như vậy là chúng ta đã trải qua các bước liên quan tới tìm kiếm ứng dụng, chạy ứng dụng và tìm hiểu ứng dụng như thế nào. Ở mục kế tiếp, cái chúng ta sẽ trải nghiệm cách mà Ubuntu cài đặt một ứng dụng.

Quản lý ứng dụng.

Đối với cài đặt ứng dụng, trên Ubuntu có ba cách khác nhau để cài đặt một ứng dụng, tuy nhiên trong phạm vi bài viết này, chúng ta chỉ nên tập trung vào cái đơn giản nhất là dùng “Ubuntu Software”.

Ứng dụng này tương tự như “Apple Store”, “Google App” và “Microsoft Store”, tức là người dùng chỉ cần cài đặt ứng dụng cần thông qua một nguồn duy nhất.

Để truy cập vào “Ubuntu software”, nhấn vào biểu tượng của “Ubuntu software” trên thanh task bar.



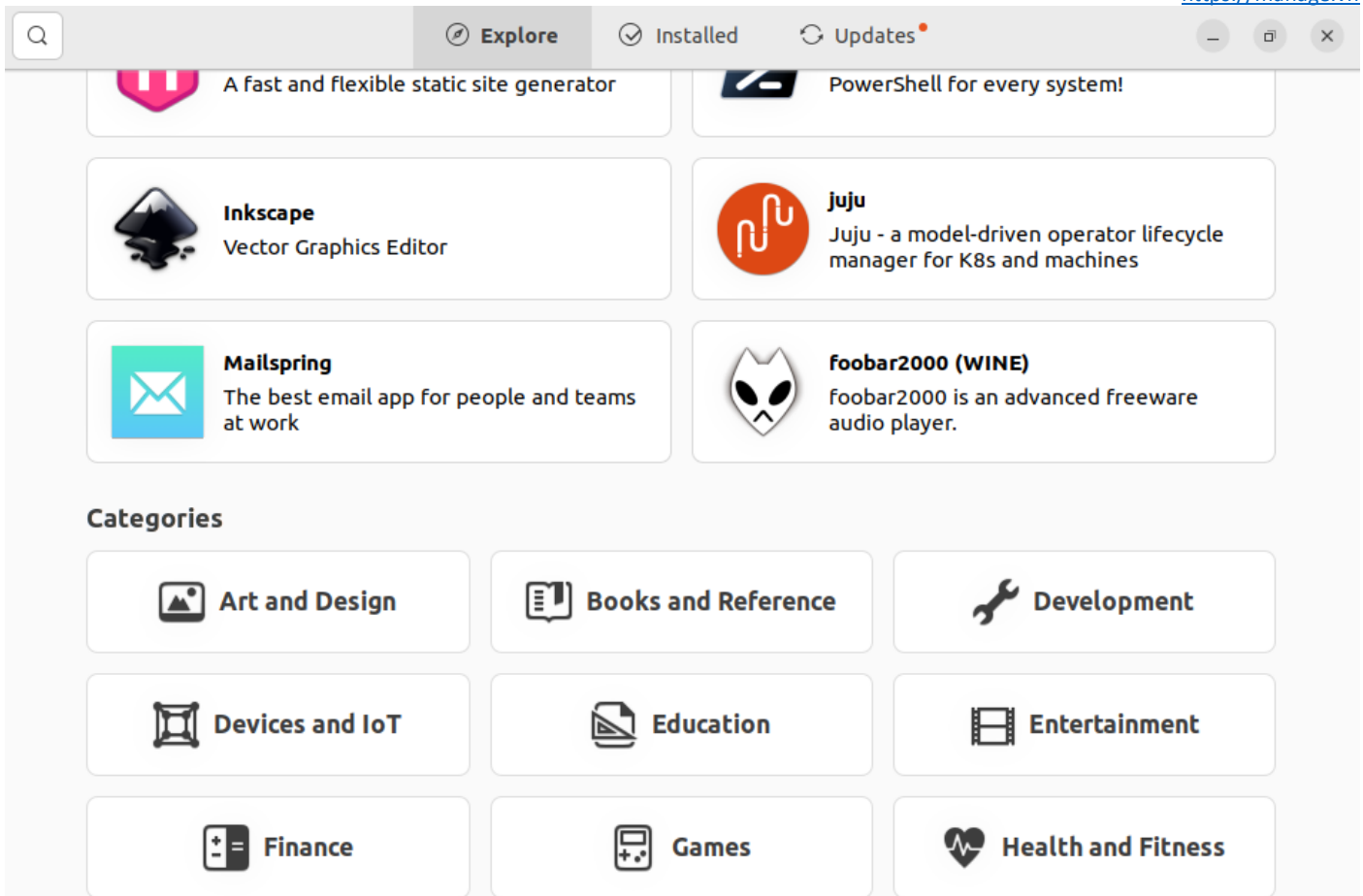
Với lần đầu tiên sử dụng, hệ thống sẽ yêu cầu cập nhật thông tin của tất cả ứng dụng trước khi sử dụng.



Software catalog is being downloaded

Việc cập nhật này ban đầu sẽ tốn ít thời gian để hoàn thành.

Sau khi kết thúc, cửa sổ chính của Ubuntu Software sẽ hiện ra như sau.



Ta có thể chia cửa sổ của “Ubuntu Software” làm 4 phần.

Toolbar, đây là thanh menu nằm trên cùng của cửa sổ, tại đây sẽ chứa các thông tin như sau:

- Icon tìm kiếm ở phía bên trái
- Ở giữa là các tab liên quan tới ứng dụng bao gồm:
 - Explore, tra cứu các ứng dụng theo category, editor’s choice hoặc hơn.
 - Installed, danh sách các ứng dụng đã được cài đặt trên máy.
 - Updates, danh sách các ứng dụng cần được cập nhật.
- Bên phải cùng là các nút minimize, maximize và close.

Highlight:

- Đây là các ứng dụng được cài đặt nhiều nhất hoặc mới nhất.

Editor’s choice:

- Các ứng dụng được bình chọn bởi người phát triển.

Categories:

- Danh sách danh mục của ứng dụng, khi nhấn vào một danh mục bất kỳ, cửa sổ sẽ chuyển sang danh sách ứng dụng mà thuộc danh mục đó.

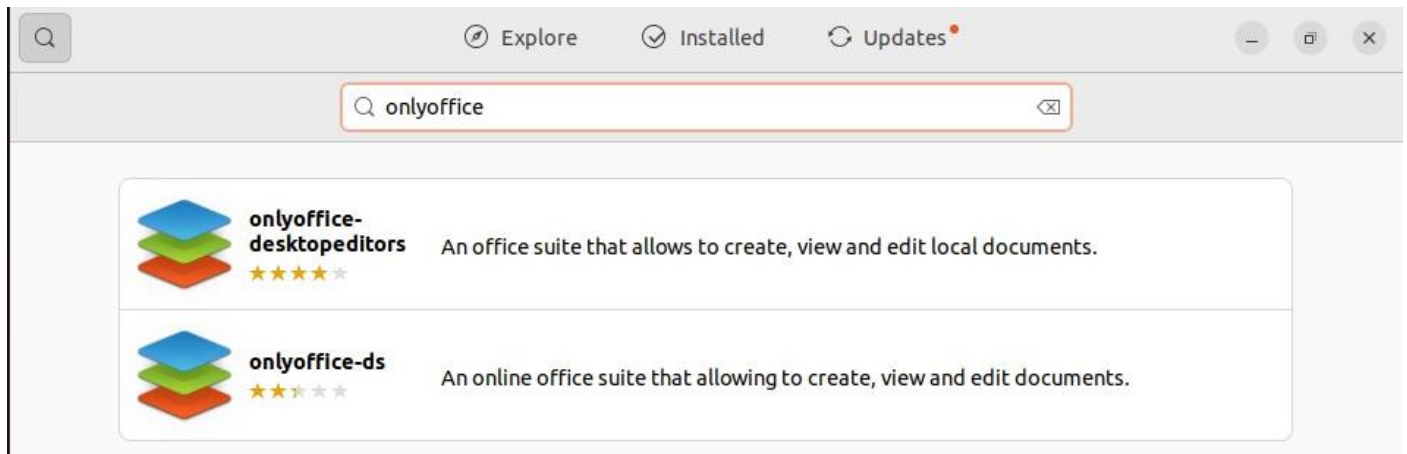
Chúng ta có thể dành ít thời gian để tham khảo các ứng dụng hiện có trên “Ubuntu Software”, đánh giá và tìm hiểu ứng dụng phù hợp cho cá nhân.

Danh sách ở đây là mặc định dựa trên repo của Ubuntu, chúng ta có thể add thêm repo nếu muốn, tuy nhiên hãy để phần này cho một dịp khác.

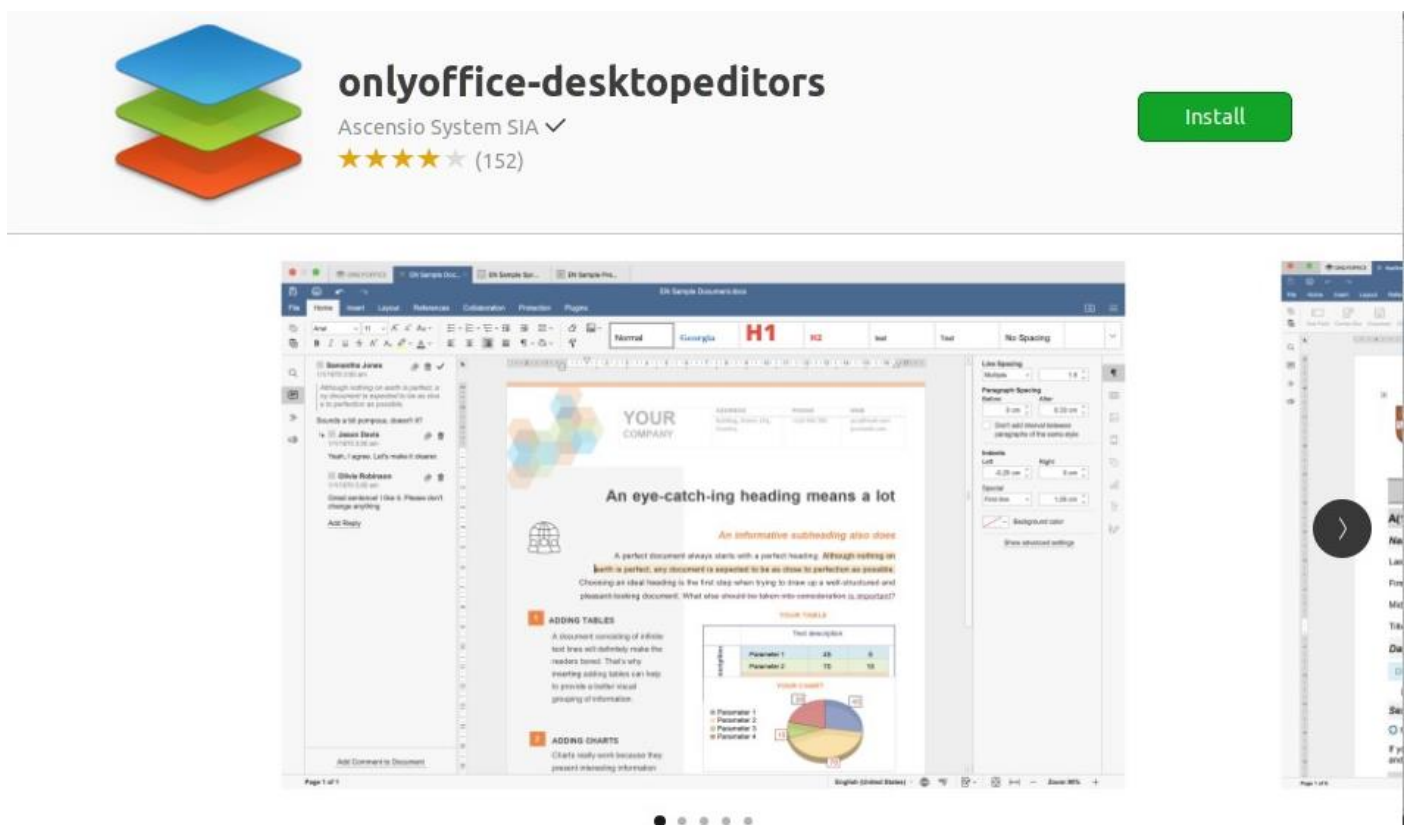
Hiện tại Ubuntu được cài đặt với mức tối thiểu nên hiện đang thiếu bộ ứng dụng office, mặc định Ubuntu sẽ cài đặt bộ office có tên là LibreOffice, tuy nhiên ở đây chúng ta sẽ dùng OnlyOffice để tham khảo.

OnlyOffice là bộ phần mềm văn phòng hoàn toàn miễn phí, không như LibreOffice hay Apache Office là dựa trên Java để phát triển, OnlyOffice lại được phát triển trên C++ nên hiệu năng có thể nhanh hơn so với Java.

Để cài đặt, chúng ta vào “Ubuntu Software”, sau đó nhấn vào biểu tượng tìm kiếm ở góc trái của cửa sổ, kế tiếp là điền tên OnlyOffice vào ô tìm kiếm.



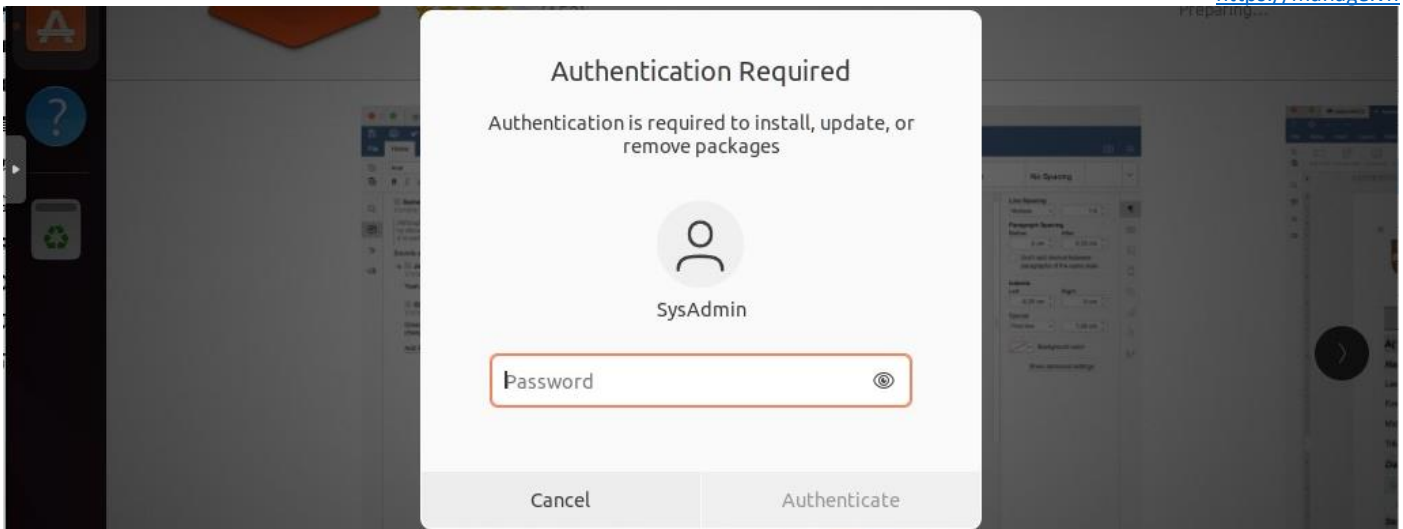
Sau khi có kết quả, đơn giản nhấn vào kết quả đầu tiên, và chúng ta sẽ có thông tin như sau.



Tại đây, chúng ta có thể tìm hiểu tính năng, hình ảnh, dung lượng cài đặt, phiên bản được cài đặt và cả review của người dùng. Nếu chú ý thì bạn sẽ thấy Ubuntu Software khá tương đồng với App Store, Google Play và Microsoft store.

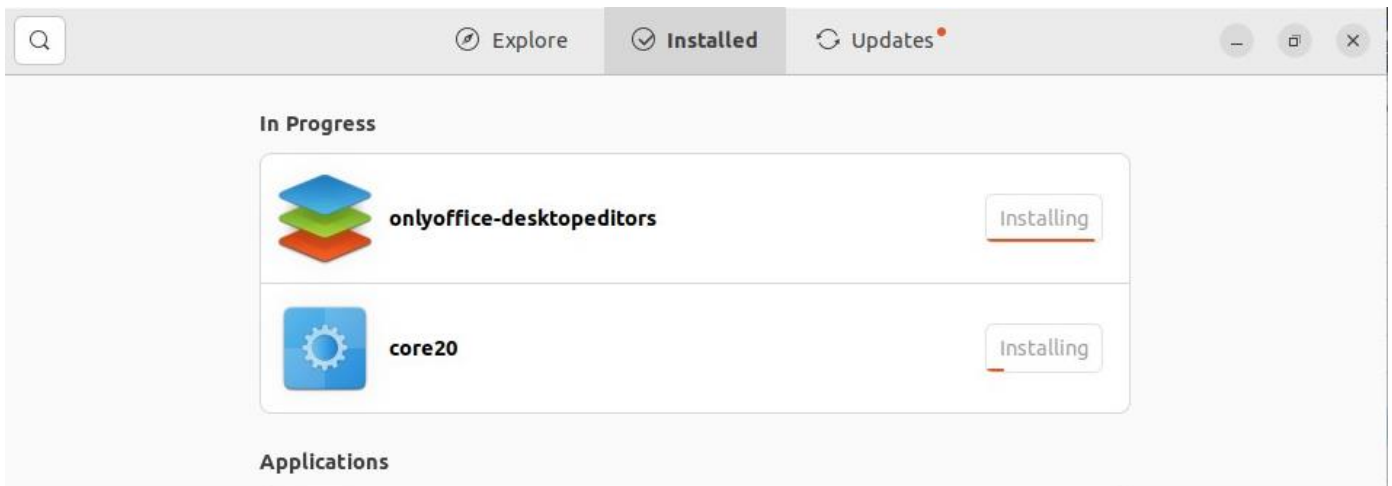
Bước kế tiếp là cài đặt bộ Office, nhấn “Install” để bắt đầu.

Đối với Ubuntu, mỗi cài đặt hoặc cập nhật đều đòi hỏi bạn phải có quyền quản trị hoặc root mới có thể tiến hành cài đặt. Vì thế hệ thống sẽ hỏi mật khẩu đối với quyền cài đặt, cửa sổ sẽ trông như thế này.

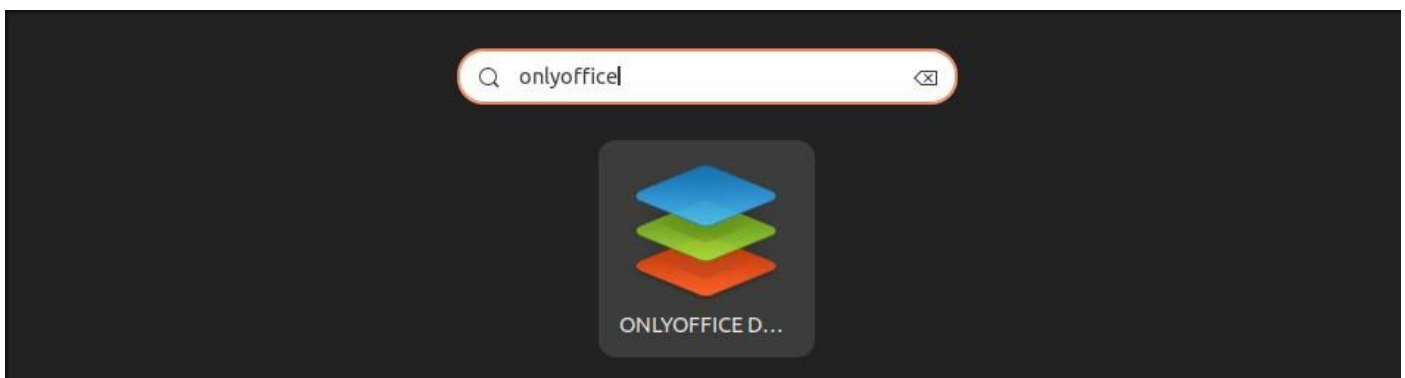


Chúng ta chỉ cần điền thông tin mật khẩu của tài khoản chính và nhấn “Authenticate” để bắt đầu cài đặt.

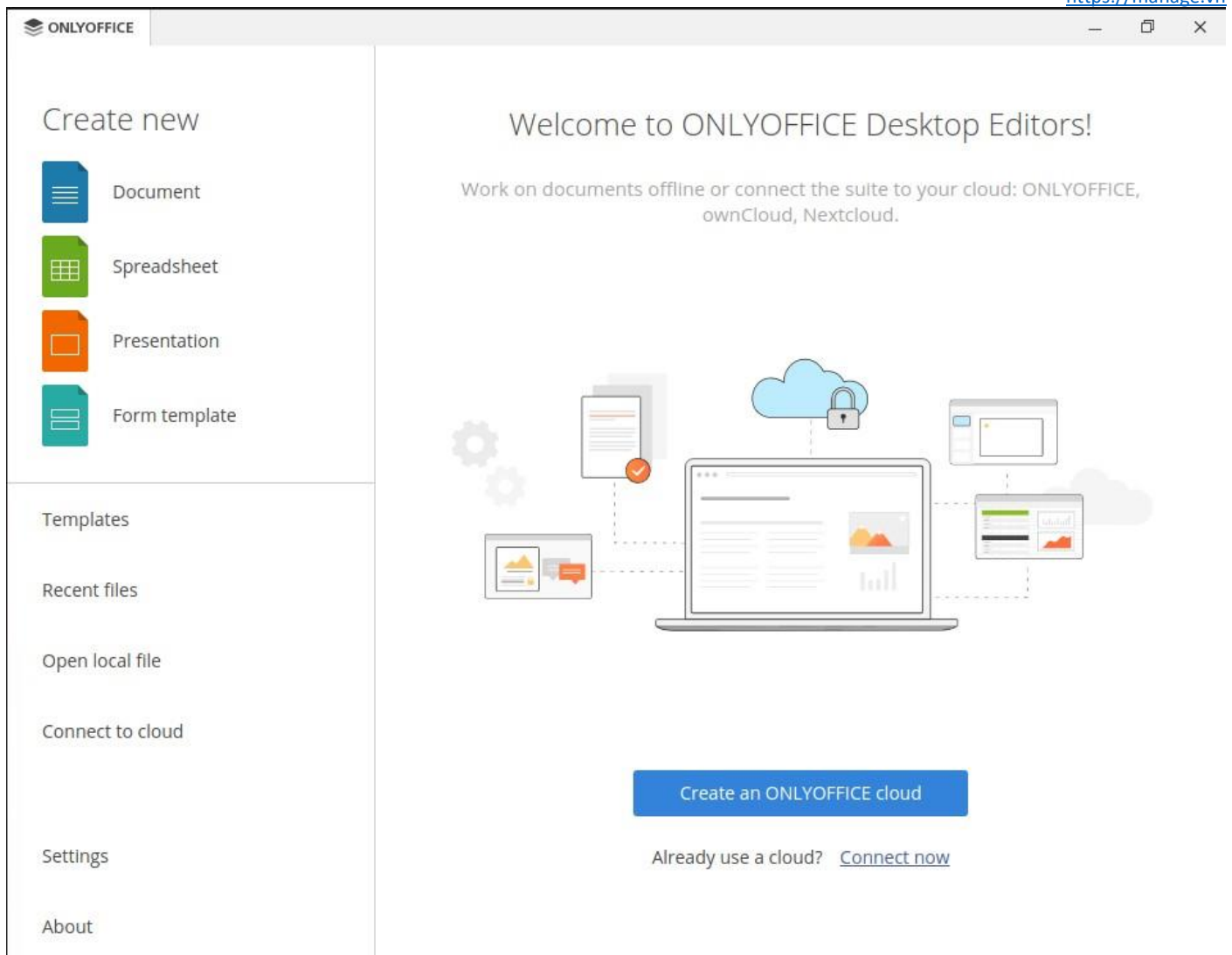
Để biết ứng dụng cài đặt đã hoàn thành hay chưa, chúng ta có thể chuyển qua tab “Installed” trên “Ubuntu software” để xem tình trạng của gói cài đặt.



Sau khi hoàn tất việc cài đặt, để sử dụng ứng dụng, chỉ cần nhấn vào “Activities” và nhập onlyoffice ô tìm kiếm, chúng ta sẽ nhận được kết quả trả về như sau.



Tới đây, nhấn vào biểu tượng của OnlyOffice để kích hoạt ứng dụng, chúng ta sẽ có dashboard như sau.



Tại dashboard của OnlyOffice, chúng ta có thể tạo Word file (Document), Excel file (Spreadsheet), Powerpoint (Presentation). Bạn có thể bỏ ít thời gian để trải nghiệm bộ ứng dụng văn phòng trên, theo quan điểm cá nhân thì bộ ứng dụng trên khá hay và dễ sử dụng.

Nếu chú ý chút, chúng ta sẽ để ý là onlyoffice sẽ là bộ ứng dụng được cài dựa trên Snap, chúng ta có thể biết điều này lúc nhìn vào cửa sổ thông tin của onlyoffice, hãy chú ý tới ô lựa chọn có tên là "Source"



Đối với một số ứng dụng đặt biệt liên quan tới hệ thống thì ô lựa chọn "Source" sẽ để thành tên khác, thường thì tên này sẽ đi theo tên riêng của Distro, với Ubuntu 22.04 thì tên riêng của nó sẽ là Jammy Jellyfish, cho nên tên khi hiện lên cửa sổ sẽ là.



Sự khác biệt này là do kho lưu trữ của các bản phân phối Debian, Ubuntu, Mint thường tập trung vào cung cấp nền tảng hỗ trợ ổn định và đáng tin cậy cho các gói phần mềm liên quan đến hệ thống và phần cứng. Do đó, các gói Deb cho các cập nhật firmware, driver và ứng dụng hệ thống thường được quản lý và cung cấp tốt hơn.

Cho nên, sẽ có một số ứng dụng, driver, firmware chỉ có thể có trên DEB mà không có trên Snap, tuy nhiên đây cũng chỉ cho hiện tại, tương lai về sau thì chưa chắc chắn.

Với việc chạy thành công bộ ứng dụng văn phòng, chúng ta đã hoàn thành việc tìm kiếm và cài đặt ứng dụng từ Ubuntu Software.

Kế tiếp chúng ta sẽ trải nghiệm việc cập nhật ứng dụng.

Quản lý cập nhật.

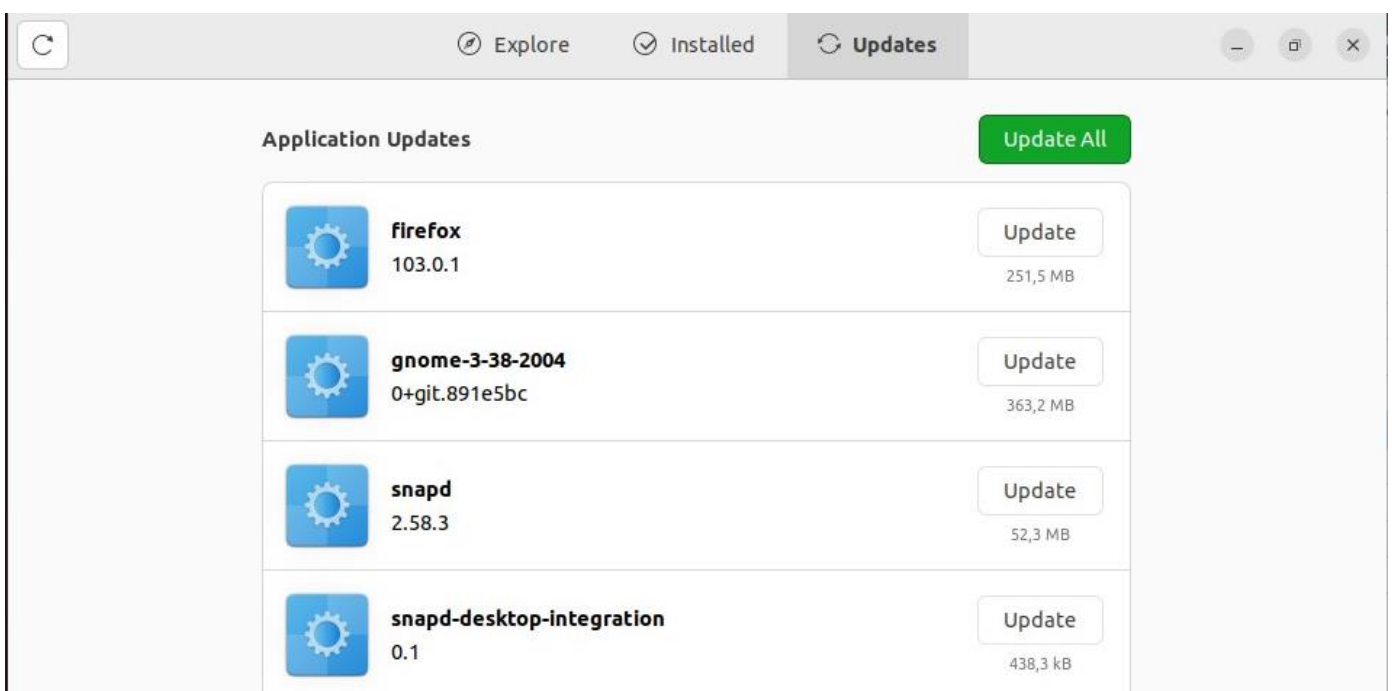
Quay lại với phần Quản lý ứng dụng, chúng ta đã nắm thông tin là có hai loại store để cài đặt, Snap và deb. Thành ra ở mục cập nhật, chúng ta sẽ chia làm hai phần.

Cập nhật ứng dụng trên Snap và cập nhật các ứng dụng ở hệ thống trên Deb repo.

Cập nhật ứng dụng trên Snap.

Đối với Snap việc cập nhật ứng dụng tương đối đơn giản, trước tiên là click vào “Ubuntu Software”, sau đó chọn tab “Updates”.

Nếu như có bản cập nhật mới, thì danh sách đó sẽ nằm ở đây.



Việc chúng ta cần làm bây giờ là nhấn vào nút “Update All”, hệ thống sẽ làm việc còn lại.

Chú ý: tất cả các ứng dụng trong lúc đang chạy phải được tắt trong lúc cập nhật, nếu không thì sẽ gặp lỗi.

Cũng tương tự như cài đặt ứng dụng, hệ thống sẽ yêu cầu điền thông tin mật của người dùng quản trị thì mới được cập nhật ứng dụng.

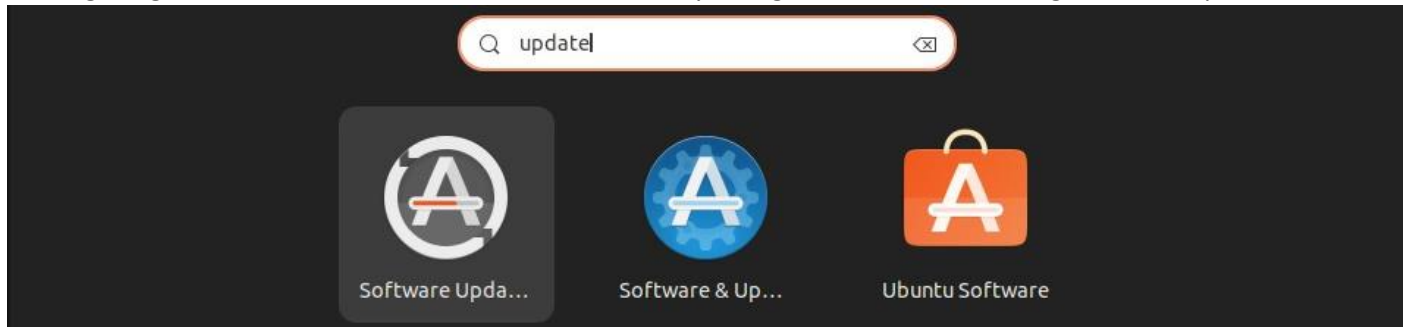
Sau khi danh sách ở tab “Updates” trống đồng nghĩa với việc cập nhật hoàn tất.

Đó là phần cập nhật trên Snap.

Cập nhật ứng dụng hệ thống trên Deb repo.

Như đã đề cập trước đây, mọi cập nhật hay ứng dụng liên quan tới hệ thống như firmware, driver, kernel, ramfs thì đều sử dụng DEB để cài đặt hoặc cập nhật.

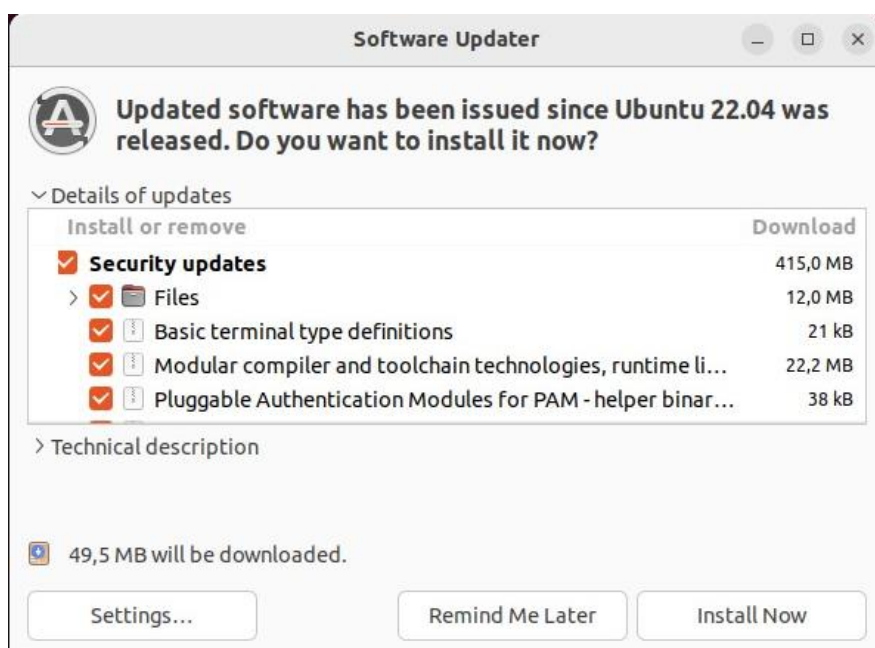
Vì vậy để cập nhật ứng dụng trên Deb repo, chúng ta nhấn vào “Activities” sau đó gõ “update” vào ô tìm kiếm, các ứng dụng sẽ được filter theo tên trên ô tìm kiếm, tại đây chúng ta nhấn vào biểu tượng có tên là “Update software”.



Sau khi kích hoạt, hệ thống sẽ bắt đầu kiểm tra xem có ứng dụng nào cần được cập nhật hay không.

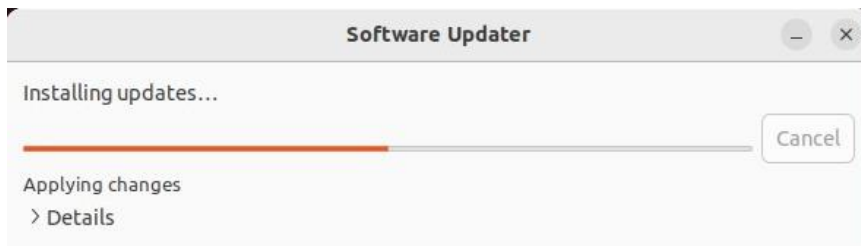


Sau khi hoàn thành việc kiểm tra, nếu như có ứng dụng cần được cập nhật, hệ thống sẽ gửi thông báo cho chúng ta nhận biết được có bao nhiêu ứng dụng cần được cập nhật, dung lượng bao nhiêu.



Lúc này chỉ cần nhấn “Install Now” để yêu cầu hệ thống cho triển khai việc cập nhật.

Lưu ý: chỉ có quyền quản trị mới có thể thực hiện việc cập nhật, tương tự như Snap, chúng ta cần phải điền thông tin mật khẩu của người quản trị để bắt đầu tiến hành cài đặt.



Sau khi tất cả hoàn thành, hệ thống có thể yêu cầu được khởi động lại, nếu không thì thông báo hoàn tất việc cập nhật sẽ được hiện ra như sau.



Vậy là chúng ta đã đi qua các bước cần thiết để cập nhật phần mềm trên cả hai môi trường, Snap và Deb.

Tổng kết.

Như vậy chúng ta đã trải nghiệm những bước cơ bản nhất để sử dụng Ubuntu như là một hệ điều hành dành cho người dùng cuối.

Với ý kiến cá nhân thì bạn nên dành thời gian để xem xét, trải nghiệm thêm các tính năng cơ bản cho người dùng cuối hoặc văn phòng.

Ở phần 3, chúng ta sẽ tìm hiểu về cách cài đặt hệ thống, quản trị hệ thống như thế nào.

Nhã Phạm (zazxxxlh)

<https://manage.vn>